

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

Vũ Phan Tố Uyên

**CẠNH TRANH QUYỀN LỰC MỀM GIỮA
TRUNG QUỐC - NHẬT BẢN Ở ĐÔNG NAM Á
GIAI ĐOẠN 2012 - 2020**

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 9310601.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUỐC TẾ HỌC

Hà Nội - 2026

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: 1: PGS.TS. Nguyễn Thu Mỹ
2: TS. Phạm Thị Thu Huyền

Phản biện: PGS.TS. Văn Ngọc Thành, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Phản biện: PGS.TS. Nguyễn Thị Hạnh, Học viện Ngoại giao Việt Nam

Phản biện: TS. Nguyễn Xuân Cường, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng cấp chấm luận án tiến sĩ họp tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN vào hồi: 8 giờ 30 ngày 26 tháng 5 năm 2026

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thư viện và Tri thức số, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự gia tăng mức độ phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, quyền lực mềm ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong quan hệ quốc tế. Như nhận định của Henry Kissinger, thế giới hiện đại được kết nối chặt chẽ về kinh tế, truyền thông và lợi ích chung, khiến việc sử dụng các công cụ quyền lực cứng như quân sự hay trừng phạt kinh tế trở nên tốn kém và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Trong bối cảnh đó, quyền lực mềm trở thành phương thức hiệu quả để các quốc gia gia tăng ảnh hưởng, theo đuổi mục tiêu đối ngoại.

Tại châu Á, quyền lực mềm không chỉ là công cụ đối ngoại mà còn trở thành một lĩnh vực cạnh tranh quan trọng giữa các cường quốc. Nhiều học giả nhận định khu vực này đang diễn ra song song hai cuộc cạnh tranh: cạnh tranh về sức mạnh quân sự và cạnh tranh về quyền lực mềm. Trong đó, Trung Quốc và Nhật Bản là hai chủ thể nổi bật nhất khi đều chú trọng xây dựng hình ảnh quốc gia, mở rộng ảnh hưởng và gia tăng vị thế khu vực thông qua các công cụ quyền lực mềm. Sự cạnh tranh này được đánh giá quyết liệt không kém cạnh tranh quyền lực cứng và có tác động đáng kể đến cục diện châu Á - Thái Bình Dương.

Đông Nam Á trở thành không gian thể hiện rõ nét nhất cuộc cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc và Nhật Bản do có vị trí địa chiến lược quan trọng, đồng thời các quốc gia trong khu vực theo đuổi chính sách đối ngoại cân bằng và có nhu cầu lớn về hợp tác kinh tế, giáo dục, văn hóa và giao lưu nhân dân. Trong môi trường đó, khả năng tạo dựng hình ảnh, lòng tin và sức hấp dẫn đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng ảnh hưởng của các nước lớn. Đặc biệt, giai đoạn 2012 - 2020, dưới sự lãnh đạo của Tập Cận Bình và Shinzo Abe,

cả Trung Quốc và Nhật Bản đều đẩy mạnh các sáng kiến đối ngoại và chiến lược quảng bá hình ảnh quốc gia, đánh dấu những điều chỉnh quan trọng trong chính sách đối ngoại và chiến lược phát triển quyền lực mềm của mỗi nước.

Đối với Việt Nam, quốc gia vừa thuộc Đông Nam Á vừa có quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện với cả Trung Quốc và Nhật Bản, sự cạnh tranh quyền lực mềm giữa hai cường quốc có ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường đối ngoại và quá trình phát triển đất nước. Việc nghiên cứu cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc và Nhật Bản tại Đông Nam Á giai đoạn 2012 - 2020 không chỉ góp phần làm rõ đặc điểm, phương thức và tác động của cuộc cạnh tranh này đối với khu vực mà còn cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách đối ngoại của Việt Nam. Đồng thời, nghiên cứu cũng giúp rút ra những kinh nghiệm hữu ích trong quá trình xây dựng, phát huy quyền lực mềm quốc gia và nâng cao vị thế của Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh giữa các nước lớn ngày càng gia tăng. Chính từ những ý nghĩa đó, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài ***“Cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc - Nhật Bản ở Đông Nam Á giai đoạn 2012 - 2020”*** làm đề tài luận án tiến sĩ.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu của luận án là làm rõ thực tiễn cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc và Nhật Bản từ năm 2012 đến năm 2020 ở Đông Nam Á. Qua đó, rút ra nhận xét về cạnh tranh quyền lực mềm giữa hai cường quốc trên; phân tích tác động và khuyến nghị chính sách phù hợp cho Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, luận án sẽ thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu sau: Hệ thống hoá cơ sở lý luận về cạnh tranh quyền lực mềm; Phân tích các nhân tố tác động đến cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc - Nhật Bản ở Đông Nam Á; Làm rõ mục tiêu và nội dung cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc - Nhật Bản ở Đông Nam Á; Phân tích các hoạt động cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc - Nhật Bản ở Đông Nam Á từ năm 2012 đến năm 2020 trên thực tiễn; Rút ra nhận xét về cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc - Nhật Bản ở Đông Nam Á trong giai đoạn được nghiên cứu; Chỉ ra những tác động của cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc - Nhật Bản và đề xuất một số khuyến nghị cho Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận án là cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc và Nhật Bản ở Đông Nam Á.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi không gian: Không gian nghiên cứu là khu vực Đông Nam Á, bao gồm 10 quốc gia thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), gồm: Brunei, Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam. Đông Timor không thuộc phạm vi nghiên cứu do số liệu không có sẵn.

- Phạm vi thời gian: Luận án xem xét cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc và Nhật Bản trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2020.

- Phạm vi nội dung: Luận án tập trung phân tích các hoạt động cạnh tranh quyền lực mềm được Trung Quốc và Nhật Bản triển khai

ở Đông Nam Á. Luận án chỉ giới hạn nghiên cứu vào những hoạt động cạnh tranh quyền lực mềm do chính phủ Trung Quốc và Nhật Bản tiến hành và tập trung vào ba khía cạnh chính gồm: văn hóa, kinh tế, chính trị.

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cách tiếp cận

Luận án sử dụng cách tiếp cận góc độ hệ thống quốc tế, chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa kiến tạo.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu của các ngành khoa học chính trị và xã hội khác nhau như: - Phương pháp phân tích chính sách và phân tích tài liệu; Phương pháp lịch sử - logic; Phương pháp phân tích diễn ngôn; Phương pháp tổng hợp, thống kê, phân tích số liệu; Các phương pháp so sánh, đối chiếu.

5. Nguồn tài liệu

Luận án sử dụng hệ thống tài liệu phong phú, bao gồm:

- Văn kiện chính thức gồm chính sách, chiến lược, tuyên bố, kế hoạch hợp tác, Sách Xanh...; phát biểu của các nhà lãnh đạo; báo cáo của chính phủ;...

- Các công trình học thuật: sách, bài báo, luận án.

- Số liệu thống kê, tài liệu từ các tổ chức như ASEAN, UN, JETRO, JICA,...

- Dữ liệu truyền thông, báo chí, thống kê học bổng, viện trợ, thăm dò dư luận... từ các tổ chức nghiên cứu lớn.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Luận án có những đóng góp chính về mặt khoa học như sau:

- Góp phần làm rõ cơ sở lý luận về cạnh tranh quyền lực mềm trong quan hệ quốc tế hiện đại.

- Cung cấp bức tranh tổng thể về cạnh tranh quyền lực mềm Trung - Nhật tại Đông Nam Á, xác định các hình thức, biểu hiện và hệ quả cụ thể của sự cạnh tranh này đối với Đông Nam Á

Luận án có những đóng góp chính về mặt thực tiễn như sau:

- Cung cấp nguồn tư liệu tham khảo phục vụ hoạt động nghiên cứu, giảng dạy và học tập về quyền lực mềm, cạnh tranh giữa các cường quốc và quan hệ quốc tế ở khu vực Đông Nam Á.

- Góp phần hỗ trợ tham khảo cho quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại nhằm bảo đảm lợi ích quốc gia của Việt Nam, đặc biệt trong việc tận dụng các cơ hội và hạn chế các rủi ro phát sinh từ cạnh tranh giữa các cường quốc.

7. Bố cục của luận án

Luận án có 04 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Chương 2: Cơ sở lý luận và nhân tố tác động đến cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc - Nhật Bản ở Đông Nam Á giai đoạn 2012 - 2020

Chương 3: Thực tiễn cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc - Nhật Bản ở Đông Nam Á giai đoạn 2012 - 2020

Chương 4: Nhận xét về cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc - Nhật Bản ở Đông Nam Á giai đoạn 2012 - 2020 và khuyến nghị cho Việt Nam

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Tình hình nghiên cứu đề tài

1.1.1. Các nghiên cứu về quyền lực mềm

Nhóm công trình kinh điển về quyền lực đặt nền móng lý luận, tiêu biểu như *Economy and Society* của Max Weber, *The Concept of Power* của Robert Dahl, *Two Faces of Power* của Bachrach & Baratz, và *Power: A Radical View* của Steven Lukes, đã mở rộng cách hiểu về quyền lực từ hành vi cưỡng ép sang các chiều vô hình như kiểm soát chương trình nghị sự và định hình nhận thức. Những công trình phê phán đồng nhất quyền lực với bạo lực và mở đường cho tư duy phi cưỡng chế, tiêu biểu là *On Violence* của Hannah Arendt, hay các nghiên cứu của Klaus Knorr, Keohane & Nye về quyền lực trong bối cảnh phụ thuộc lẫn nhau. Sau đó, khái niệm quyền lực mềm được hệ thống hóa bởi Joseph Nye trong các tác phẩm tiêu biểu như *Bound to Lead* (1990), *Soft Power* (2004), *The Future of Power*. Các nghiên cứu mở rộng và phê phán quyền lực mềm của Nye, như của Michael Barnett & Raymond Duvall, Steven Lukes, Alexander Vuving, Giulio Gallarotti, Janice Bially Mattern, đã làm rõ cơ chế vận hành, điều kiện hiệu quả, cũng như những yếu tố cưỡng chế tinh vi ẩn trong quyền lực mềm.

1.1.2. Các nghiên cứu về quyền lực mềm của Trung Quốc và Nhật Bản

Nghiên cứu về quyền lực mềm của Trung Quốc rất phong phú, bao gồm cả học giả Trung Quốc và quốc tế. Các công trình của học giả Trung Quốc như Vương Hồ Ninh, Môn Hồng Hoa, Trịnh Vĩnh Niên, Lưu Minh Phúc tập trung vào vai trò của văn hóa, mô hình phát triển, hình ảnh quốc gia và chiến lược “Giấc mơ Trung Quốc”. Nhiều nghiên cứu xem xét quyền lực mềm Trung Quốc trong các khuôn khổ cụ thể như sáng kiến “Vành đai và Con đường”, ngoại giao văn hóa, Viện Khổng Tử, truyền thông toàn cầu. Trong khi đó, các học giả phương Tây như Joshua Kurlantzick, Joseph Nye,

Mingjiang Li, Shaun Breslin phân tích cả mặt mở rộng ảnh hưởng lẫn những giới hạn, mâu thuẫn và nghi ngờ quốc tế đối với quyền lực mềm Trung Quốc, đặc biệt ở Đông Nam Á.

Các nghiên cứu về Nhật Bản chủ yếu nhấn mạnh ngoại giao văn hóa, giá trị hòa bình, ODA, ngoại giao giáo dục và hình ảnh quốc gia hậu Chiến tranh thế giới thứ hai. Các tác phẩm nổi bật có thể kể đến như công trình của Yasushi Watanabe và David McConnell, Lam Peng Er, David Leheny, Nissim Otmazgin... Một số công trình so sánh Nhật Bản với Trung Quốc cho thấy sự khác biệt rõ rệt về cách tiếp cận: Nhật Bản thiên về thuyết phục lâu dài và thể chế hóa ảnh hưởng, trong khi Trung Quốc mang tính chiến lược và nhà nước dẫn dắt rõ nét hơn.

1.1.3. Các nghiên cứu về cạnh tranh quyền lực mềm và cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc và Nhật Bản

Các nghiên cứu về cạnh tranh quyền lực mềm cho thấy quyền lực mềm không chỉ là công cụ hỗ trợ mà đã trở thành mặt trận cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc. Trong khu vực Đông Nam Á, nhiều công trình chỉ ra sự song hành và cạnh tranh giữa Trung Quốc và Nhật Bản thông qua viện trợ phát triển, hợp tác kinh tế, giao lưu văn hóa - giáo dục và xây dựng hình ảnh quốc gia.

1.2. Kết quả và một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

1.2.1. Nhận xét chung về các công trình nghiên cứu

Nhìn chung, các nghiên cứu về quyền lực mềm, quyền lực mềm của Trung Quốc, Nhật Bản và cạnh tranh quyền lực mềm giữa hai nước đã góp phần phát triển cơ sở lý luận về khái niệm, nguồn lực, công cụ và vai trò của quyền lực mềm trong quan hệ quốc tế. Đồng thời, các công trình đã làm rõ chiến lược triển khai quyền lực

mềm của Trung Quốc và Nhật Bản cũng như tác động của cuộc cạnh tranh này đối với khu vực, đặc biệt là Đông Nam Á.

Tuy nhiên, vẫn còn một số khoảng trống nghiên cứu. Thứ nhất, chưa có nhiều nghiên cứu phân tích một cách hệ thống và toàn diện cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc và Nhật Bản trong cùng một không gian địa lý. Thứ hai, các nghiên cứu về Đông Nam Á còn phân tán, chủ yếu tập trung vào công cụ quyền lực mềm mà chưa chú trọng đầy đủ đến phản ứng và vai trò của các nước tiếp nhận. Thứ ba, những điều chỉnh trong chiến lược quyền lực mềm của Trung Quốc và Nhật Bản giai đoạn 2012–2020 chưa được cập nhật và nghiên cứu đầy đủ dưới góc độ cạnh tranh. Đây chính là những khoảng trống mà đề tài hướng tới bổ sung và làm rõ.

1.2.2. Những vấn đề đặt ra mà Luận án cần giải quyết

Trên cơ sở tổng quan nghiên cứu và thực tiễn cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc và Nhật Bản tại Đông Nam Á, luận án tập trung giải quyết các vấn đề chính sau: (1) làm rõ cơ sở lý luận, khái niệm và đặc điểm của cạnh tranh quyền lực mềm; (2) phân tích biểu hiện và mức độ cạnh tranh giữa Trung Quốc và Nhật Bản trong các lĩnh vực văn hóa, kinh tế và chính trị giai đoạn 2012 - 2020; (3) so sánh chiến lược và phương thức triển khai quyền lực mềm của hai nước; (4) đánh giá phản ứng và sự tiếp nhận của các quốc gia Đông Nam Á đối với các hoạt động quyền lực mềm của Trung Quốc và Nhật Bản; (5) phân tích tác động của cuộc cạnh tranh này đối với khu vực; và (6) đề xuất hàm ý chính sách cho Việt Nam nhằm ứng phó với cạnh tranh giữa các nước lớn và nâng cao quyền lực mềm quốc gia.

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN CẠNH TRANH QUYỀN LỰC MỀM GIỮA TRUNG QUỐC - NHẬT BẢN Ở ĐÔNG NAM Á GIAI ĐOẠN 2012 - 2020

2.1. Cơ sở lý luận về cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc - Nhật Bản

2.1.1. Khái niệm quyền lực mềm

Khái niệm quyền lực mềm được hình thành và phát triển trên cơ sở các nghiên cứu lý luận về quyền lực. Các học giả kinh điển như Max Weber, Robert Dahl và Steven Lukes tiếp cận quyền lực chủ yếu dưới góc độ cưỡng chế và áp đặt, qua đó đặt nền móng cho tư duy về quyền lực cứng trong quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, các quan điểm này dần bộc lộ hạn chế trong việc giải thích những hình thức ảnh hưởng phi cưỡng chế ngày càng phổ biến trong thế giới đương đại. Các nghiên cứu của Hannah Arendt và Klaus Knorr đã góp phần mở rộng cách hiểu về quyền lực, nhấn mạnh khả năng tác động thông qua sự đồng thuận và thuyết phục.

Trên cơ sở đó, Joseph Nye đã hệ thống hóa khái niệm quyền lực mềm. Những nghiên cứu sau này của Alexander Vuving và Giulio Gallarotti tiếp tục làm rõ rằng quyền lực mềm không chỉ phụ thuộc vào nguồn lực sẵn có mà còn phụ thuộc vào cách thức các quốc gia sử dụng và thể hiện các nguồn lực đó trong thực tiễn.

Trong cách tiếp cận của Trung Quốc và Nhật Bản, quyền lực mềm được hiểu theo nghĩa rộng và mang tính thực dụng cao. Cả hai quốc gia đều nhấn mạnh vai trò của văn hóa, các hoạt động hỗ trợ về mặt kinh tế và hành vi đối ngoại trong việc tạo dựng sức hấp dẫn và nâng cao hình ảnh quốc gia, qua đó phục vụ cho các mục tiêu chiến lược lâu dài.

2.1.2. Khái niệm cạnh tranh

Trong quan hệ quốc tế, cạnh tranh nảy sinh khi nhiều quốc gia theo đuổi các mục tiêu như quyền lực, ảnh hưởng, an ninh hoặc lợi ích kinh tế, khiến việc gia tăng lợi ích của một bên thường làm giảm cơ hội của bên khác. Trong khi một số học giả nhấn mạnh tính đối kháng và xung đột lợi ích, nhiều cách tiếp cận khác cho rằng cạnh tranh không nhất thiết phải là đối đầu trực tiếp mà còn là quá trình nâng cao năng lực, uy tín và vị thế tương đối của mỗi quốc gia.

Cách tiếp cận của Simmel phù hợp để phân tích cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc và Nhật Bản. Trong nghiên cứu này, “bên thứ ba” được xác định là các quốc gia Đông Nam Á. Do đó, cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc và Nhật Bản được hiểu là quá trình hai nước tìm cách gia tăng uy tín, hình ảnh và sức hấp dẫn nhằm giành được nhiều hơn sự ưu ái, thiện cảm, công nhận và ủng hộ từ các quốc gia Đông Nam Á, thay vì trực tiếp làm suy yếu quyền lực mềm của đối phương.

2.1.3. Khái niệm cạnh tranh quyền lực mềm

Cạnh tranh quyền lực mềm là hiện tượng tất yếu trong quan hệ quốc tế khi các quốc gia theo đuổi những lợi ích tương đồng trong cùng một không gian chiến lược. Các lý thuyết cạnh tranh trong khoa học chính trị và kinh tế chính trị quốc tế đều chỉ ra rằng cạnh tranh không chỉ diễn ra trong lĩnh vực quân sự hay kinh tế mà còn mở rộng sang các lĩnh vực phi truyền thống. Joseph Nye cho rằng quyền lực mềm thường được sử dụng cho các mục tiêu cạnh tranh.

Từ góc độ này, cạnh tranh quyền lực mềm có thể được hiểu là nỗ lực của một chủ thể trong việc gia tăng danh tiếng, giành lấy sự yêu mến và tin tưởng của đối tượng mục tiêu trong tương quan so sánh với chủ thể còn lại, thông qua các hoạt động phi bạo lực, phi

cưỡng chế. Cuộc cạnh tranh này diễn ra chủ yếu thông qua các kênh văn hóa, kinh tế và chính trị.

2.2. Nhân tố tác động đến cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc - Nhật Bản ở Đông Nam Á

2.2.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực hai thập niên đầu thế kỷ XXI

Trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI, cạnh tranh giữa các nước lớn gia tăng do sự trỗi dậy của Trung Quốc, nỗ lực khôi phục vị thế của Nga và các biện pháp của Mỹ nhằm duy trì vai trò lãnh đạo toàn cầu thông qua mở rộng NATO, EU và củng cố liên minh với Nhật Bản. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, các cường quốc ngày càng ưu tiên sử dụng quyền lực mềm để mở rộng ảnh hưởng thay vì đối đầu quân sự, tạo nên xu hướng cạnh tranh quyền lực mềm ngày càng rõ nét.

Đối với Trung Quốc và Nhật Bản, cạnh tranh quyền lực mềm giữa hai nước còn được thúc đẩy bởi sự điều chỉnh chiến lược của Mỹ tại châu Á - Thái Bình Dương. Điều này tạo điều kiện để cả hai nước tăng cường cạnh tranh, mở rộng ảnh hưởng và nâng cao sức hấp dẫn nhằm củng cố vị thế tại khu vực.

2.2.2. Cạnh tranh và mâu thuẫn giữa Trung Quốc và Nhật Bản

Mối quan hệ giữa Trung Quốc và Nhật Bản tồn tại nhiều mâu thuẫn lịch sử, chủ quyền và ảnh hưởng, đặc biệt liên quan đến vai trò lãnh đạo khu vực. Những bất đồng về nhận thức lịch sử, tranh chấp lãnh thổ và cạnh tranh vị thế quốc tế khiến quan hệ song phương vừa mang tính hợp tác, vừa mang tính cạnh tranh sâu sắc. Trong bối cảnh đó, Đông Nam Á trở thành một không gian quan trọng để hai nước thể hiện và mở rộng ảnh hưởng.

Tuy nhiên việc khó có thể cạnh tranh bằng các biện pháp cứng rắn khiến Trung Quốc và Nhật Bản buộc phải lựa chọn những công cụ ít gây phản ứng tiêu cực hơn. Quyền lực mềm vì thế trở thành

phương thức phù hợp để hai nước theo đuổi lợi ích và gia tăng ảnh hưởng mà vẫn duy trì được môi trường khu vực tương đối ổn định.

2.2.3. Nhu cầu nâng cao quyền lực mềm ở Đông Nam Á của cả Trung Quốc và Nhật Bản

Đối với cả Trung Quốc và Nhật Bản, quyền lực mềm giữ vai trò ngày càng quan trọng trong chiến lược đối ngoại. Trung Quốc coi quyền lực mềm là công cụ nhằm giảm thiểu lo ngại của khu vực và quốc tế về sự trỗi dậy của mình, đồng thời củng cố hình ảnh một cường quốc có trách nhiệm. Nhật Bản xem quyền lực mềm là phương tiện để bù đắp những hạn chế về quyền lực cứng, khẳng định vai trò chính trị và duy trì ảnh hưởng lâu dài tại khu vực.

Thông qua quyền lực mềm, cả hai nước đều tìm cách tạo dựng hình ảnh quốc gia tích cực, mở rộng mạng lưới quan hệ và nâng cao mức độ chấp nhận của các nước Đông Nam Á. Điều này khiến cạnh tranh quyền lực mềm trở thành một trụ cột quan trọng trong cạnh tranh chiến lược Trung - Nhật.

2.3. Cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc - Nhật Bản ở Đông Nam Á trước năm 2012

Quá trình tạo thiện cảm ở Đông Nam Á của cả Nhật Bản và Trung Quốc bắt đầu từ sớm và trải qua nhiều khó khăn. Sự nghi kỵ của các nước Đông Nam Á về sự phục hồi của chủ nghĩa phát xít mới ở Nhật Bản và nguy cơ tái diễn một cuộc xâm lăng mới của Nhật vào khu vực này đã làm cho các nỗ lực xích lại gần Đông Nam Á, trước hết là các nước ASEAN 6 không mang lại những kết quả mong muốn. Mặc dù đã bồi thường chiến tranh và chỉ tập trung hợp tác với các nước Đông Nam Á về kinh tế, nhưng hình ảnh của Nhật Bản ở Đông Nam Á cho tới 1977 vẫn không mấy tốt đẹp trong cái nhìn của chính phủ và nhân dân nhiều nước Đông Nam Á.

Sự thâm nhập ảnh hưởng của Trung Quốc vào khu vực này cũng gặp nhiều trắc trở. Dù đã bình thường hóa hay thiết lập quan hệ ngoại giao, nhưng sự nghi ngờ đối với Trung Quốc vẫn rất sâu sắc.

Để có thể thâm nhập vào Đông Nam Á, trước hết cả Nhật Bản và Trung Quốc đều tập trung vào các hoạt động xây dựng lòng tin đối với các quốc gia trong khu vực. Nhật Bản tích cực triển khai học thuyết Fukuda và hình ảnh ngày càng đẹp lên trong cái nhìn của công chúng trong khu vực. Các cuộc khảo sát cho thấy hình ảnh của Nhật Bản đã được cải thiện đáng kể. Nhìn chung, ám ảnh lịch sử không còn được xem là trở ngại lớn trong mối quan hệ giữa Nhật Bản với Đông Nam Á.

Về phía mình, Trung Quốc tận dụng cơ hội khủng hoảng tài chính - tiền tệ ở Đông Nam Á để chứng tỏ họ là cường quốc có trách nhiệm sẵn sàng hy sinh lợi ích của mình để giúp các nước này vượt qua hoạn nạn. Với động thái này, Trung Quốc đã giành được cảm tình của nhiều nước Đông Nam Á.

2.4. Khung phân tích

Khung phân tích bao gồm cơ sở thực tiễn của cạnh tranh quyền lực mềm, mục tiêu và công cụ cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc - Nhật Bản ở Đông Nam Á

Chương 3. THỰC TIỄN CẠNH TRANH QUYỀN LỰC MỀM GIỮA TRUNG QUỐC - NHẬT BẢN Ở ĐÔNG NAM Á GIAI ĐOẠN 2012 - 2020

3.1. Mục tiêu cạnh tranh quyền lực mềm của Trung Quốc - Nhật Bản ở Đông Nam Á

Ở cuộc cạnh tranh quyền lực mềm ở Đông Nam Á, mục tiêu của hai nước theo đuổi đều tương tự nhau, đó là giành được thiện cảm của các quốc gia trong khu vực.

3.2. Cạnh tranh quyền lực mềm trong lĩnh vực văn hóa

3.2.1. Thông qua phổ biến ngôn ngữ

Trung Quốc đẩy mạnh phổ biến tiếng Trung tại Đông Nam Á chủ yếu thông qua hệ thống Viện Khổng Tử, các chương trình đào tạo giáo viên, học bổng và hợp tác giáo dục ngôn ngữ. Việc mở rộng mạng lưới Viện Khổng Tử giúp Trung Quốc thiết lập hiện diện văn hóa chính thức, quảng bá hình ảnh quốc gia và lan tỏa các giá trị gắn với văn hóa truyền thống Trung Hoa. Bên cạnh đó, Trung Quốc còn kết hợp phổ biến ngôn ngữ với truyền thông số và các hoạt động giao lưu nhân dân nhằm mở rộng phạm vi tiếp cận.

Trong khi đó, Nhật Bản phổ biến tiếng Nhật theo cách linh hoạt hơn, gắn với nhu cầu thực tiễn như học tập, việc làm, giao lưu văn hóa và tiếp cận văn hóa đại chúng. Việc học tiếng Nhật tại Đông Nam Á thường đi kèm với sức hấp dẫn từ manga, anime, J-pop và các sản phẩm văn hóa hiện đại, tạo ra động lực tự nguyện và bền vững hơn trong tiếp nhận ngôn ngữ.

3.2.2. Thông qua hợp tác và trao đổi giáo dục

Trong hợp tác giáo dục, Trung Quốc tăng cường cung cấp học bổng, mở rộng chương trình trao đổi sinh viên, giảng viên và thúc đẩy hợp tác giữa các cơ sở đào tạo với mục tiêu xây dựng tầng lớp tinh hoa thân thiện với Trung Quốc trong tương lai. Các chương trình này thường gắn với định hướng chiến lược dài hạn, kết hợp đào tạo chuyên môn với quảng bá hình ảnh quốc gia.

Nhật Bản triển khai hợp tác giáo dục theo hướng đa dạng và phi tập trung hơn, nổi bật là các chương trình giao lưu thanh niên, trao đổi sinh viên và đào tạo nguồn nhân lực gắn với nhu cầu phát triển của các nước Đông Nam Á. Cách tiếp cận của Nhật Bản nhấn

manh sự tương tác “từ trái tim đến trái tim”, qua đó tạo dựng niềm tin và thiện cảm lâu dài trong xã hội khu vực.

3.2.3. Thông qua giao lưu và quảng bá văn hóa

Trung Quốc đẩy mạnh quảng bá văn hóa thông qua các lễ hội, triển lãm, hoạt động giao lưu nghệ thuật và các sự kiện mang tính chính thức, với sự tham gia trực tiếp của nhà nước. Những hoạt động này góp phần mở rộng sự hiện diện văn hóa Trung Quốc nhưng đôi khi chịu hạn chế bởi sự nghi ngờ của công chúng về tính tuyên truyền.

Ngược lại, Nhật Bản xây dựng một “hệ sinh thái văn hóa” kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, trong đó văn hóa đại chúng đóng vai trò trung tâm. Nhờ tính thị trường hóa cao và khả năng lan tỏa tự nhiên, các sản phẩm văn hóa Nhật Bản dễ dàng tiếp cận giới trẻ đô thị Đông Nam Á, qua đó tạo lợi thế cạnh tranh rõ nét trong lĩnh vực văn hóa.

3.3. Cạnh tranh quyền lực mềm trong lĩnh vực kinh tế

3.3.1. Thông qua thương mại và đầu tư

Trung Quốc sử dụng thương mại và đầu tư như công cụ trung tâm trong chiến lược quyền lực mềm, đặc biệt thông qua các dự án hạ tầng, logistics và tài chính trong khuôn khổ các sáng kiến kết nối khu vực. Các dự án quy mô lớn giúp Trung Quốc gia tăng sự phụ thuộc kinh tế và củng cố hiện diện chiến lược tại Đông Nam Á.

Nhật Bản thúc đẩy thương mại và đầu tư chủ yếu thông qua khu vực tư nhân, kết hợp với các chương trình hỗ trợ của nhà nước. Nhật Bản chú trọng chất lượng dự án, tính bền vững và tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế, qua đó tạo dựng hình ảnh một đối tác phát triển lâu dài và có trách nhiệm.

3.3.2. Thông qua viện trợ

Viện trợ là công cụ quan trọng để hai nước gia tăng quyền lực mềm. Trung Quốc cung cấp viện trợ và cho vay ưu đãi gắn với các dự án hạ tầng và phát triển kinh tế, thường đi kèm với các mục tiêu chiến lược rõ rệt. Việc hỗ trợ kịp thời trong các giai đoạn khó khăn giúp Trung Quốc tạo dựng hình ảnh một cường quốc có trách nhiệm.

Nhật Bản có truyền thống lâu dài trong cung cấp ODA cho Đông Nam Á, tập trung vào phát triển nguồn nhân lực, cải thiện thể chế và nâng cao năng lực quản trị. Cách tiếp cận này giúp Nhật Bản duy trì uy tín cao và mức độ tin cậy lớn trong khu vực.

3.4. Cạnh tranh quyền lực mềm trong lĩnh vực chính trị

Trong lĩnh vực chính trị, cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc và Nhật Bản thể hiện thông qua ngoại giao chính thức và các sáng kiến định hình cấu trúc khu vực. Mục tiêu chung là gia tăng tính chính danh, uy tín và vai trò lãnh đạo trong khu vực Đông Nam Á

3.4.1. Thông qua ngoại giao cấp cao

Cả Trung Quốc và Nhật Bản đều sử dụng các chuyến thăm cấp cao như công cụ quan trọng để củng cố quan hệ chính trị và truyền tải thông điệp thiện chí tới các nước Đông Nam Á. Tần suất và nội dung các chuyến thăm phản ánh mức độ ưu tiên chiến lược của mỗi nước đối với khu vực, đồng thời góp phần xây dựng hình ảnh quốc gia thân thiện và đáng tin cậy.

3.4.2. Thông qua các ý tưởng kết nối khu vực

Trung Quốc thúc đẩy các ý tưởng kết nối khu vực với mục tiêu xây dựng sự gắn kết chặt chẽ giữa ASEAN và Trung Quốc, qua đó gia tăng ảnh hưởng chiến lược và củng cố vai trò trung tâm của mình trong các cấu trúc khu vực. Những sáng kiến này nhấn mạnh lợi ích chung và tầm nhìn dài hạn về hợp tác khu vực.

Nhật Bản cũng tích cực đề xuất và tham gia các sáng kiến kết nối khu vực, đặc biệt tại tiểu vùng sông Mekong, với cách tiếp cận ôn hòa, bao trùm và chú trọng phát triển bền vững. Mặc dù sẵn sàng hợp tác với các đối tác khác, Nhật Bản vẫn tìm cách giữ vai trò dẫn dắt, qua đó nâng cao quyền lực mềm và ảnh hưởng chính trị của mình tại Đông Nam Á.

Chương 4. NHẬN XÉT VỀ CẠNH TRANH QUYỀN LỰC MỀM GIỮA TRUNG QUỐC - NHẬT BẢN Ở ĐÔNG NAM Á

GIAI ĐOẠN 2012 - 2020 VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM

4.1. Những tương đồng và khác biệt trong cạnh tranh quyền lực mềm giữa hai nước Trung Quốc và Nhật Bản ở Đông Nam Á giai đoạn 2012 - 2020

Cả Trung Quốc và Nhật Bản đều đạt được những kết quả đáng kể trong việc triển khai quyền lực mềm tại Đông Nam Á. Trung Quốc nổi bật ở khả năng mở rộng nhanh và bao phủ rộng, đặc biệt trong các lĩnh vực hạ tầng, đầu tư, viện trợ và truyền thông định hướng. Việc gia tăng mạnh mẽ sự hiện diện của các Viện Khổng Tử, các dự án kết nối và hợp tác kinh tế đã giúp Trung Quốc nâng cao mức độ nhận diện và ảnh hưởng thực tế trong khu vực.

Nhật Bản tuy triển khai quyền lực mềm với tốc độ chậm hơn, nhưng lại đạt hiệu quả cao về mức độ tiếp nhận và niềm tin xã hội. Thông qua văn hóa đại chúng, ODA minh bạch, các chương trình đào tạo nguồn nhân lực và cách tiếp cận tôn trọng vai trò trung tâm của ASEAN, Nhật Bản xây dựng được hình ảnh một đối tác phát triển ổn định, đáng tin cậy và có trách nhiệm.

4.2. Kết quả cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc và Nhật Bản ở Đông Nam Á

4.2.1. Kết quả cạnh tranh trong từng lĩnh vực cụ thể

Bên cạnh những thành công, cả hai quốc gia đều bộc lộ những hạn chế nhất định. Quyền lực mềm của Trung Quốc dù có ưu thế về quy mô và tốc độ, nhưng lại gặp phải sự hoài nghi từ công chúng và giới tinh hoa khu vực do tính áp đặt, điều kiện hóa lợi ích và các vấn đề lịch sử - chủ quyền. Mức độ hiện diện cao không luôn chuyển hóa thành sự chấp nhận bền vững trong xã hội tiếp nhận.

Trong khi đó, quyền lực mềm của Nhật Bản chịu giới hạn bởi nền tảng ngôn ngữ - văn hóa không phổ biến, phạm vi ảnh hưởng phân tán và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt từ các cường quốc khác. Dù được đánh giá cao về độ tin cậy, Nhật Bản gặp khó khăn trong việc mở rộng ảnh hưởng nhanh và đồng đều trên toàn khu vực, đặc biệt tại các quốc gia phụ thuộc kinh tế lớn vào Trung Quốc

4.2.2. Kết quả tổng thể về cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc - Nhật Bản

Tổng thể, trong cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc và Nhật Bản tại Đông Nam Á, Trung Quốc chiếm ưu thế về phạm vi và cường độ hiện diện, trong khi Nhật Bản nổi trội về chiều sâu thể chế và mức độ tin cậy xã hội. Kết quả cạnh tranh không chỉ phụ thuộc vào nguồn lực triển khai, mà còn phụ thuộc vào khả năng ảnh hưởng trong xã hội tiếp nhận. Giai đoạn 2012-2020 cho thấy Nhật Bản tạm thời có lợi thế về quyền lực mềm bền vững, trong khi Trung Quốc cần điều chỉnh chiến lược nếu muốn chuyển từ “hiện diện” sang “ảnh hưởng được chấp nhận”

4.3. Tác động của cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc - Nhật Bản đối với khu vực Đông Nam Á và Việt Nam

4.3.1. Tác động đối với khu vực

Đối với khu vực Đông Nam Á, cạnh tranh quyền lực mềm giúp làm phong phú đời sống văn hóa, mở rộng cơ hội hợp tác giáo dục,

kinh tế và phát triển. Các nước ASEAN có điều kiện tiếp cận nguồn lực từ cả Trung Quốc và Nhật Bản, qua đó thúc đẩy tăng trưởng và nâng cao năng lực phát triển.

Tuy nhiên, cạnh tranh này cũng làm gia tăng ảnh hưởng tiêu cực từ văn hoá và tư tưởng ngoại lai, từ các hoạt động kinh tế. Song song với đó còn là nguy cơ bị phụ thuộc và chia rẽ, khi mức độ tiếp nhận quyền lực mềm của các quốc gia thành viên không đồng đều. Điều này đặt ra thách thức đối với vai trò trung tâm của ASEAN, đồng thời buộc khu vực phải tăng cường cơ chế điều tiết và cân bằng ảnh hưởng để tránh bị biến thành “đấu trường” giữa các cường quốc

4.3.2. Tác động đối với Việt Nam

Cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc và Nhật Bản vừa tạo ra cơ hội, vừa đặt ra nhiều thách thức đối với Việt Nam. Về mặt tích cực, sự cạnh tranh này góp phần thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, đồng thời mở rộng cơ hội tiếp cận nguồn vốn, công nghệ và các mô hình phát triển từ cả hai nước. Nhờ đó, Việt Nam có điều kiện nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện năng lực phát triển kinh tế và gia tăng vị thế chiến lược cũng như lợi thế đối ngoại thông qua việc đa dạng hóa quan hệ hợp tác.

Tuy nhiên, cạnh tranh quyền lực mềm cũng kéo theo những tác động tiêu cực như nguy cơ mai một bản sắc văn hóa, sự lỏng lẻo các thông điệp chính trị trong các sản phẩm văn hóa, áp lực trong quản trị và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài, cũng như thách thức trong việc duy trì chính sách đối ngoại cân bằng giữa hai cường quốc.

4.4. Một số khuyến nghị đối với Việt Nam

Trong bối cảnh cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc và Nhật Bản ngày càng gia tăng, Việt Nam cần xây dựng chiến lược chủ động để vừa tận dụng cơ hội, vừa bảo vệ lợi ích quốc gia. Trước hết, Việt Nam cần tăng cường sàng lọc các sản phẩm văn hóa nhập khẩu, bảo vệ bản sắc dân tộc và chủ động quảng bá văn hóa Việt Nam nhằm nâng cao sức ảnh hưởng của mình. Bên cạnh đó, cần nâng cao năng lực quản trị, tiếp nhận có chọn lọc các nguồn lực từ Trung Quốc và Nhật Bản, kết hợp hiệu quả lợi thế của cả hai để phục vụ phát triển nhưng vẫn bảo đảm tính tự chủ. Đồng thời, Việt Nam cần kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ quốc tế, duy trì cân bằng chiến lược giữa hai cường quốc, phát huy vai trò trung tâm trong ASEAN và chủ động thúc đẩy đối thoại, hợp tác khu vực nhằm nâng cao vị thế và đóng góp vào hòa bình, ổn định ở Đông Nam Á.

KẾT LUẬN

Luận án đã hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của cạnh tranh quyền lực mềm trong quan hệ quốc tế. Trong đó chỉ ra rằng quyền lực mềm là một dạng quyền lực phi cưỡng chế, được triển khai thông qua sức hấp dẫn về văn hóa, kinh tế và chính trị. Luận án cũng làm rõ đặc điểm của cạnh tranh quyền lực mềm, qua đó bổ sung cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc và Nhật Bản. Đồng thời, luận án cũng làm rõ cách thức Trung Quốc và Nhật Bản nhận thức và triển khai quyền lực mềm tại khu vực Đông Nam Á.

Trên bình diện thực tiễn, luận án phân tích một cách hệ thống quá trình cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc và Nhật Bản tại Đông Nam Á trong giai đoạn 2012 - 2020 thông qua ba trụ cột chính: văn hóa, kinh tế và chính trị. Kết quả nghiên cứu cho thấy

Trung Quốc triển khai quyền lực mềm với tốc độ nhanh, quy mô lớn và định hướng chiến lược rõ rệt, đặc biệt thông qua, viện trợ, đầu tư hạ tầng và diễn ngôn nhân mạnh quan hệ song phương cùng “cộng đồng tương lai chung”. Ngược lại, Nhật Bản tập trung phát triển quyền lực mềm theo chiều sâu, chú trọng chất lượng, tính bền vững và mức độ tin cậy, thể hiện qua nguồn viện trợ lớn, đều đặn và minh bạch, các sáng kiến kết nối khu vực chú trọng vào các giá trị chung như dân chủ...

Luận án cũng chỉ ra rằng hiệu quả triển khai quyền lực mềm của hai nước có sự khác biệt rõ rệt: trong khi Trung Quốc đạt được mức độ hiện diện rộng và nhanh, ảnh hưởng của nước này lại đối mặt với sự hoài nghi và cảnh giác từ công chúng khu vực; ngược lại, quyền lực mềm của Nhật Bản tuy triển khai chậm hơn nhưng ổn định và nhận được mức độ tin cậy cao hơn từ các xã hội Đông Nam Á. Cạnh tranh quyền lực mềm Trung - Nhật vì vậy vừa tạo ra cơ hội phát triển, vừa làm gia tăng sức ép điều chỉnh chính sách đối ngoại đối với các quốc gia ASEAN. Trên cơ sở phân tích tác động khu vực, luận án làm rõ những hệ quả đa chiều của cạnh tranh quyền lực mềm Trung - Nhật đối với ASEAN. Nghiên cứu cho thấy cạnh tranh quyền lực mềm góp phần gia tăng nguồn lực phát triển và lựa chọn chiến lược cho các nước ASEAN, song đồng thời cũng tạo ra nguy cơ phân hóa nội khối, gia tăng sức ép lựa chọn và tác động đến vai trò trung tâm của ASEAN. Đối với Việt Nam, luận án chỉ ra rằng cạnh tranh quyền lực mềm giữa Trung Quốc và Nhật Bản vừa là thách thức, vừa là động lực để Việt Nam chủ động điều chỉnh chiến lược đối ngoại, nâng cao năng lực tiếp nhận, sàng lọc và chuyển hóa ảnh hưởng từ bên ngoài. Từ đó, luận án đề xuất một hệ thống khuyến nghị chính sách tập trung vào việc nâng cao tính sàng lọc trong tiếp

nhận văn hoá, song song với đó là bảo vệ và chủ động phát huy bản sắc văn hoá Việt Nam; nâng cao năng lực quản trị và tiếp nhận có chọn lọc các nguồn lực từ bên ngoài; đồng thời duy trì cân bằng chiến lược và nỗ lực nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Vũ Phan Tố Uyên (2019), “Sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Nhật Bản trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI và tác động đến Việt Nam”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận* (8), tr.49-54.
2. Vu Phan To Uyen (2023), “China’s Cultural Diplomacy in Southeast Asia Today”, *IAR Journal of Humanities and Cultural Studies* Vol. 4 (2), pp.1-5.
3. Vu Phan To Uyen (2024), “Response of Southseast Asian island countries to China's influence and policy implications for Vietnam”, *Proceedings of International Conference “International Conference Second international conference on the issues of social sciences and humanities”*, Vietnam National University Press, Hanoi, pp.362-375.
4. Vu Phan To Uyen (2024), “Japan cultural diplomacy towards Vietnam in the period of 2012 - 2020”, *Proceedings of International Conference “Regional and sub-regional cooperation in East and Southeast Asia: Toward a sustainable and innovative future”*, Thế Giới Publishers, Hanoi, pp.146-169.
5. Vu Phan To Uyen, Tran Xuan Hiep (2024), “Navigating the Covid-19 landscape China’s health diplomacy approach in Southeast Asia”, *Mezhdunarodnye Protsessy (International Trends)* Vol. 22 (2), pp.179-199.

